TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2026/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 5 - 2026
Về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tường Vân, ông Lê Văn Hoàn

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hương Trà - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 – Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2026 tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 – Thanh Hoá mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 01/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 23/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 20/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16/04/2026 , giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phan Văn C - Sinh năm 1991;

Căn cước công dân số: 045091005512 do Bộ C1 cấp ngày 17/3/2025.

Địa chỉ: Thôn H, xã B, tỉnh Quảng Trị.

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị T - Sinh năm: 1991;

Số căn cước công dân: 03891901668

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N , xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Đài Loan

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2025, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phan Văn C trình bày:*

Về hôn nhân: Anh Phan Văn C và chị Bùi Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị (Nay là xã B, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 30/5/2019. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không phù hợp. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, hoà giải nhưng

tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2021 đến nay. Hiện nay chị T đang làm việc ở Đài Loan nhưng anh C không biết địa chỉ cụ thể. Nay anh C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình đã thực sự tan vỡ, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Phan Trung N – sinh ngày 17/6/2019. Hiện nay cháu N đang ở cùng với bà ngoại là Cao Thị T1. Sau ly hôn, anh C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Trung N và không yêu cầu chị Bùi Thị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh C không yêu cầu Toà án giải quyết.

Anh Phan Văn C trình bày: Anh chỉ biết hiện nay chị Bùi Thị T đang làm việc tại Đài Loan, còn địa chỉ cụ thể như thế nào thì anh không biết nên không thể cung cấp cho Toà án. Chị T vẫn thường xuyên liên lạc với mẹ đẻ là bà Cao Thị T1, địa chỉ tại Thôn N, xã N, tỉnh Thanh Hóa đề nghị Toà án tiến hành thu thập thêm thông tin của chị T từ bà T1.

* Tại buổi làm việc tại nơi chị Bùi Thị T đăng ký hộ khẩu thường trú, Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà Cao Thị T1 là mẹ đẻ của chị Bùi Thị T. Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/01/2026 bà T1 trình bày: Anh Phan Văn C và chị Bùi Thị T kết hôn tự nguyện. Sau khi kết hôn anh C và chị T làm ăn sinh sống ở M được một thời gian thì về Quảng Trị là quê của anh C. Sau đó thì vợ chồng đi sang Đài Loan làm việc, được một thời gian anh C đã về nước, còn chị T vẫn tiếp tục ở lại Đài Loan. Từ đó hai vợ chồng không ở cùng nhau, còn vợ chồng mâu thuẫn như thế nào thì bà không biết. Gia đình bà vẫn thường xuyên liên lạc với chị T qua điện thoại, nhưng địa chỉ cụ thể nơi sinh sống và làm việc của chị T thì bà không biết. Hiện nay, bà có nghe nói là anh C muốn ly hôn với chị T. Việc ly hôn của vợ chồng các con, bà không mong muốn, nhưng đây là quyền của các con nên bà đề nghị giải quyết theo quy định. Sau khi Tòa án thông báo cho bà biết việc anh C làm đơn ly hôn con bà là chị T, bà cũng đã thông báo cho chị T biết. Quan điểm của chị T là cũng đồng ý ly hôn anh C, nhưng do đang ở nước ngoài nên không về giải quyết được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phan Trung N, sinh ngày 17/6/2019. Do lâu nay cháu N đang ở với bà, chị T và anh C cũng thường về thăm nom, gửi tiền chăm sóc con. Để cuộc sống của cháu không bị xáo trộn bà đề nghị giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà đồng ý thay chị T nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và sẽ có trách nhiệm thông báo cho chị T biết.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thanh Hoá tại phiên toà:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chị Bùi Thị T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Về hôn nhân xử cho anh Phan Văn C được ly hôn chị Bùi Thị T; Về con chung, giao cháu Phan Trung N, sinh ngày 17/6/2019 cho anh Phan Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C; về tài sản và công nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết; về án phí, anh C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền của Tòa án: Bị đơn là chị Bùi Thị T có đăng ký hộ khẩu tại thôn N, xã N, tỉnh Thanh Hóa nhưng hiện nay đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Trong vụ án này, bị đơn cư trú ở nước ngoài, tuy nhiên bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại Thôn N, xã N, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa.

[1.2] Về việc tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn: Anh C chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của chị T ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của chị T tại nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu nhưng mẹ đẻ của chị T trình bày không biết địa chỉ chị T ở Đài Loan. Tuy nhiên, chị T vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình, vậy nên mẹ chị T là bà Cao Thị T1 vẫn nhận các văn bản tố tụng để thông báo cho chị T. Vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn chị Bùi Thị T vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng qua người thân đến lần thứ hai. Do đó, HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, xét xử vắng mặt chị Bùi Thị T.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về hôn nhân*: Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện: Anh Phan Văn C và chị Bùi Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị (Nay là xã B, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 30/5/2019, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không phù hợp. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, hoà giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2021 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa anh Phan Văn C và chị Bùi Thị T đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận cho anh Phan Văn C được ly hôn chị Bùi Thị T.

[2.2]. Về con chung: Anh Phan Văn C và chị Bùi Thị T có 01 con chung tên là Phan Trung N – sinh ngày 17/6/2019. Anh C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Trung N và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX xét thấy hiện nay chị T đang ở nước ngoài, sẽ không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tốt cho con. Anh C đang ở Việt Nam có điều kiện hơn, do đó giao cháu Phan Trung N cho anh Phan Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản, công nợ chung: Anh Phan Văn C không yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Phan Văn C là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh Phan Văn C đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phan Văn C.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho anh Phan Văn C được ly hôn chị Bùi Thị T.

2. *Về con chung*: Anh Phan Văn C và chị Bùi Thị T có 01 con chung tên là Phan Trung N – sinh ngày 17/6/2019. Ly hôn giao cháu Phan Trung N cho anh Phan Văn C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Bùi Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Phan Văn C.

Chị Bùi Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

3. Về án phí: Anh Phan Văn C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) chị anh C đã nộp tạm ứng tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa theo biên lai số 0004513 ngày 30/12/2025. Anh Phan Văn C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Anh Phan Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Bùi Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND khu vực 7 – Thanh Hoá;
- UBND xã Bến Hải, tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Hải